

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ
KHÍ DẦU MỎ HÓA LÔNG

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành			Mức kê khai mới			Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ			
I	Công ty TNHH MTV thương mại Trần Huỳnh Quang (áp dụng từ ngày 11/09/2023)											
1	HD gas	12 kg	d/bình		284.000	325.000		295.000	360.000	23.000	7,55	
2	VT gas	12kg	d/bình		279.000	325.000		295.000	360.000	25.500	8,44	
3	LPG SP gas	12 kg	d/bình		275.000	325.000		300.000	360.000	30.000	10,00	
4	ELF GAZ	12.5kg	d/bình		344.000	375.000		360.000	410.000	25.500	7,09	
5	TOTAL GAZ (xanh, xám, cam)	12kg	d/bình		289.000	325.000		310.000	360.000	28.000	9,12	
II	Chi nhánh CTCP thương mại Gas Bình Minh (áp dụng từ ngày 12/09/2023)											
1	Gas Gia đình xám 12 kg	Bình 12kg	d/bình	416.000		416.000	449.000		449.000	33.000	7,93	
2	Gas Gia đình đỏ 12 kg	Bình 12 kg	d/bình	426.000		426.000	459.000		459.000	33.000	7,75	
3	Gas Gia đình xanh 12 kg (van Φ20)	Bình 12 kg	d/bình	426.000		426.000	459.000		459.000	33.000	7,75	
4	Gas Gia đình xanh 12 kg (van Φ21)	Bình 12 kg	d/bình	426.000		426.000	459.000		459.000	33.000	7,75	
5	Gas Gia đình 45kg	Bình 45 kg	d/bình	1.433.000		1.433.000	1.557.000		1.557.000	124.000	8,65	

An Giang, ngày 14 tháng 09 năm 2023

LẬP BIỂU

Lê Hoàng Quốc Việt

PHÒNG QUẢN LÝ GIÁ - CÔNG SẢN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Hậu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Kim Hai